

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ MỸ THO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **22/2020/HNGĐ-ST;**

Ngày: **13-5-2020.**

Vv tranh chấp: Xin ly hôn, tranh  
chấp con chung và cấp dưỡng  
nuôi con.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Mai Thị Mỹ Trang;**

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Lê Văn Kiệt.**

2. Ông **Nguyễn Thanh Sang.**

*Thư ký phiên tòa:* Ông **Nguyễn Tuấn Tín**, thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho;

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho tham gia phiên tòa: Bà **Ngô Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên.

Trong ngày **13 tháng 5** năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 822/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2020; Thông báo mở lại phiên tòa số 02/TB-TA ngày 17/4/2020 và Quyết hoãn phiên tòa số 16A/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08/5/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Võ Thị Hạnh D**, sinh năm 1983;

Địa chỉ: số 212/3 ấp L, xã Đ, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: **Nguyễn Tấn S**, sinh năm 1981;

Địa chỉ: số 212/3 ấp L, xã Đ, thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

*(Chị D có mặt, anh S vắng mặt)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai ngày 27 tháng 11 năm 2019 và các lời trình bày tại tòa, nguyên đơn chị Võ Thị Hạnh D trình bày:

Chị và anh S tự nguyện cưới nhau vào năm 2002 và có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, chị và anh S sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống không khắc phục được, anh S có quan hệ tình cảm

với người phụ nữ khác. Chị đã khuyên can nhiều lần nhưng anh S vẫn không thay đổi. Chị và anh S đã sống ly thân từ giữa năm 2019 cho đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu xin ly hôn với anh S.

Về con chung: Chị và anh S có 02 con chung gồm Nguyễn Thị Ngọc L sinh ngày 07/8/2003 và Nguyễn Ngọc Mỹ D sinh ngày 18/9/2011. Hiện nay, cả hai con chung đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả hai con chung. Chị yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng/cháu.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Bị đơn anh Võ Tấn S đã được Tòa tổng đạt hợp lệ nhưng anh S vẫn vắng mặt không lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát cho rằng, chị D không còn tình cảm với anh S, hiện cả hai không còn chung sống, mục đích hôn nhân không đạt được. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D. Về con chung: Chị D yêu cầu được nuôi cả hai con chung và cả hai cháu có nguyện vọng muốn được sống với chị D. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị D về con chung. Về tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị D và anh S tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện Chợ G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 0130 ngày 24/11/2003 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Đối với bị đơn anh Võ Tấn S đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh S.

[3] Đối với yêu cầu khởi kiện của chị D, Hội đồng xét xử xét thấy: Chị D xin ly hôn với anh S vì cho rằng cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh S không chăm lo cho gia đình và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác. Chị D đã khuyên can nhiều lần nhưng anh S vẫn không thay đổi. Nay xét thấy vợ chồng không thể hàn gắn được

nữa nên chị D cương quyết xin ly hôn với anh S. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh S nhiều lần nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị D và anh S là có thật nhưng anh chị không khắc phục được để kéo dài làm ảnh hưởng đến hạnh phúc vợ chồng dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng nên không còn khả năng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị D là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị D trình bày, chị và anh S có hai con chung gồm: Nguyễn Thị Ngọc L sinh ngày 07/8/2003 và Nguyễn Ngọc Mỹ D sinh ngày 18/9/2011. Hiện nay, hai con chung của chị và anh S đang sống với chị. Khi ly hôn, chị D yêu cầu được nuôi cả hai con chung và không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy yêu cầu của chị D là có cơ sở bởi vì phù hợp với nguyện vọng của cháu L và cháu D mong muốn được sống với chị D và nhằm giúp cho cháu L và cháu D ổn định tâm lý và cuộc sống. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D về việc giao cháu L và cháu D cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Cháu Nguyễn Thị Ngọc L sinh ngày 07/8/2003 đã đi làm và thu nhập nên chị D không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con. Chị D yêu cầu anh S cấp dưỡng Nguyễn Ngọc Mỹ D sinh ngày 18/9/2011 mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Xét yêu cầu của chị D là có cơ sở và để đảm bảo cho cháu D được phát triển đầy đủ về thể chất và tinh thần. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, anh S không có ý kiến gì đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị D. Căn cứ Điều 82, Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D về việc yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi cháu D là 1.000.000 đồng, thời gian thực hiện cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi lao động được.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Đối với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016, chị D phải chịu án phí án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh S phải chịu án phí cấp dưỡng trong hôn nhân.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 và Điều 116 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ khoản Điều 28, Điều 35, Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30 tháng 12 năm 2016.

**Tuyên xử:**

**Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Hạnh D.**

Chị Võ Thị Hạnh D được ly hôn với anh Nguyễn Tấn S.

Về con chung: Giao hai con chung tên Nguyễn Thị Ngọc L sinh ngày 07/8/2003 và Nguyễn Ngọc Mỹ D sinh ngày 18/9/2011 cho chị Võ Thị Hạnh D trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Tấn S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc Mỹ D sinh ngày 18/9/2011 mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Thời gian thực hiện cấp dưỡng bắt đầu từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu D tròn 18 tuổi lao động được.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí: Chị Võ Thị Hạnh D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Chị được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã tạm nộp theo biên lai số 0000707 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho nên chị D đã nộp xong án phí.

Anh Võ Tấn S phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng trong hôn nhân.

Đương sự có mặt tại phiên tòa quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự../.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**\* Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG ;
- VKSND Tp Mỹ Tho;
- Chi cục THADS Tp. Mỹ Tho;
- UBND phường 3, Tp Mỹ Tho;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**MAI THỊ MỸ TRANG**



**Nơi nhận:**

- Toà án nhân dân tỉnh;
- VKSND huyện Chợ Gạo;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- THADS huyện Chợ Gạo;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Võ Thị Kim Loan**